

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST

Ngày 24 - 01-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2021/TLST-DS ngày 26/4/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXXST-DS ngày 20/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, Sinh năm: 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh C .

- Bị đơn: 1. Ông Dương Văn U, Sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

2. Bà Trần Thanh T, Sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2021 và lời trình bày nguyên đơn bà Phạm Thị H có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào ngày 26/6/2018 (dương lịch) bà có cho vợ chồng ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5 %/tháng, bà đã đưa tiền cho vợ chồng ông U, vợ chồng ông U có thể chấp cho bà Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 40.445m², không có thể chấp đất, hai bên có viết biên nhận nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông U, bà T có thanh toán cho bà tiền gốc 200.000.000 đồng (ông U có viết biên nhận nợ lại ngày 23/01/2021) và tiền lãi 28.000.000 đồng. Sau đó ông U, bà T không thanh toán cho bà tiền lãi nữa. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 40.445m² ông U đã mượn lại và hiện nay bà không có giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông U, bà T thế chấp. Nay bà yêu cầu ông U, bà T thanh toán cho bà số tiền vốn là 300.000.000 đồng và lãi là 28.000.000 đồng tính từ thời điểm từ tháng 6/2020 đến nay.

Bị đơn ông Dương Văn U trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 26/6/2018 (dương lịch) ông và vợ ông bà Trần Thanh T vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5 %/tháng, vợ chồng ông đã nhận tiền đầy đủ từ bà H, vợ chồng ông có thể chấp cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 40.445m², không có thể chấp đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã thế chấp trước đây cho bà H thì bà H đã trả lại cho ông. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông có thanh toán cho bà H tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi là 28.000.000 đồng.

Bà H yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền vay 300.000.000 đồng và lãi 28.000.000 đồng vợ chồng ông đồng ý.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông U, bà T trả số tiền gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu ông U, bà T trả số tiền lãi 28.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T trả cho bà H số tiền vay 300.000.000 đồng.

Tuyên bố một phần Biên nhận ngày 26/6/2018 vô hiệu phần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất Nông nghiệp có diện tích 40.445m².

Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn được nhận lại, bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T trả lại tiền vay; ông U, bà T có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về vắng mặt đương sự: Ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông U, bà T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn ông Dương Văn U đều thừa nhận vào 26/6/2018 (dương lịch) ông U và bà Trần Thanh T vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5 %/tháng (có biên nhận), vợ chồng ông U đã nhận tiền đầy đủ từ bà H, có thể chấp cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nông nghiệp diện tích 40.445m², không có thế chấp đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông U đã thế chấp trước đây cho bà H thì bà H đã trả lại cho ông U. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông U có thanh toán cho bà H tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi 28.000.000 đồng còn thiếu lại 300.000.000 đồng có viết biên nhận ngày 23/01/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi được lời khai đối với bà Trần Thanh T là vợ của ông U, ông U cho biết bà T hiện tại bệnh không đến Tòa án được, ông U và bà T hiện tại vẫn còn mối quan hệ hôn nhân nên việc ông U thừa nhận vợ chồng ông có thiếu nợ của bà H và đồng ý trả nợ bà H là phù hợp các chứng cứ có tại hồ sơ. Như vậy căn cứ vào

khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện pháp lý không phải chứng minh.

[4] Ông U, bà T vay tiền của bà H đến hạn nhưng không thanh toán, ông U, bà T là người vi phạm hợp đồng đó đó cần buộc ông U, bà T có trách nhiệm trả cho bà H tiền vay chưa trả số tiền 300.000.000 đồng là phù hợp theo quy định Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất theo các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Tại phiên tòa bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông U, bà T trả số tiền lãi 28.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà H, có lợi cho bị đơn được chấp nhận.

[7] Ông U, bà T vay tiền của bà H có viết biên nhận tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất Nông nghiệp diện tích 40.445m² cho bà H. Xét hợp đồng thế chấp giữa bà H với ông U, bà T tại biên nhận ngày 26/6/2018 thấy rằng, không được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, nên việc thế chấp giữa các bên không có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật dân sự. Đó đó một phần Biên nhận ngày 26/6/2018 vô hiệu phần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất Nông nghiệp diện tích 40.445m². Phía bà H đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U, bà T, không có quản lý sử dụng phần đất của ông U, bà T nên không buộc bà H giao trả đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U, bà T.

[8] Tại phiên tòa đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời có căn cứ được chấp nhận. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, buộc ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H tổng số tiền 300.000.000 đồng.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm được nhận lại, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 và khoản 1 Điều 319 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T không thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng ông U, bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Tuyên bố một phần Biên nhận ngày 26/6/2018 vô hiệu phần thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất Nông nghiệp có diện tích 40.445m².

- Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 8.200.000 đồng theo biên lai thu số 0004906 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Buộc ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T phải chịu án phí có giá ngạch 15.000.000 đồng (chưa nộp).

Bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; ông Dương Văn U, bà Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- - Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Len

